

PHIẾU U N I Q M H C K Q 1

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Anh Giới tính: Nam
Mã học sinh: A07 - 01 Lớp: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	7.0	9.0				7.0	3.6	7.0				6.8	6.6
2	Vx T Lh	8				7.0	3.0	10.0				7.0	9.0					5.8	7.0
3	HOĆ H C	9				9.0	6.0	8.0				7.0	7.0					8.3	7.7
4	SINH Vx T	9				3.0	8.0					5.0						3.8	5.2
5	TIN H C	9				7.0	9.0					8.0						9.0	8.5
6	V. N H C	8				5.0	8.0	7.0				6.0	5.0	7.0				6.5	6.4
7	L CH S	6				9.0	7.0					7.0						5.5	6.6
8	η A Lh	6				8.0	5.0					7.0						8.3	7.2
9	NGOĩ I NG	8				6.0	9.0	9.0				8.0	6.2					9.4	8.1
10	GDCD	9				7.0	8.0					8.0						8.5	8.2
11	CĐNG NGH	6				10.0	8.0					8.0						8.0	8.0
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					7.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Điểm TB CM : 7.3
Hạng : Khá
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trách nhiệm

Học sinh: A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG LƯỢNG HỌC C KỲ 1

Họ và tên: **Trần Gia Bảo**
Mã học sinh: **A07 - 02**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **12A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	9				4.0	8.0	10.0				8.0	6.4	8.0				6.0	7.2
2	Vx T Lh	6				1.0	2.0	10.0				3.0	6.0					5.5	4.9
3	HOĆ H C	9				2.0	8.0	7.0				1.0	3.0					4.5	4.3
4	SINH Vx T	10				2.0	10.0					3.5						2.8	4.7
5	TIN H C	8				7.0	8.0					8.0						8.0	7.9
6	Vl N H C	9				6.0	8.0	7.0				6.0	4.0	6.0				2.5	5.3
7	L CH S	6				8.0	7.0					4.0						5.8	5.8
8	η A Lh	8				7.0	9.0					5.0						5.5	6.3
9	NGOĩ I NG	7				3.0	6.0	7.0				5.6	2.8					9.6	6.2
10	GDCD	5				8.0	8.0					8.0						7.3	7.4
11	CĐNG NGH	9				10.0	5.0					5.0						6.5	6.7
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					8.0						9.0	8.1
14																			
15																			

Điểm TBCT: **6.2**
Hạng: **Trung Bình**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Truyền hình**

Điểm NCT, A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÂN XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG LƯỢNG HỌC KỲ 1

Họ và tên: Hoàng Lê Minh Châu
Mã học sinh: A07 - 03

Giới tính: Nữ
Lớp học: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				8.0	8.0	10.0				7.0	6.8	8.0				5.8	7.3
2	Vx T Lh	3				10.0	5.0	10.0				5.0	5.0					5.8	5.9
3	HOĆ H C	8				8.0	7.0	9.0				7.0	6.0					8.3	7.5
4	SINH Vx T	9				5.0	8.0					6.5						4.8	6.2
5	TIN H C	8				8.0	8.0					8.0						7.5	7.8
6	V. N H C	8				5.0	8.0	7.0				6.0	4.0	7.0				6.0	6.2
7	L CH S	8				6.0	10.0					8.0						6.8	7.6
8	η A Lh	9				8.0	8.0					7.0						7.8	7.8
9	NGOĩ I NG	8				6.0	7.0	8.0				5.6	5.2					8.2	6.8
10	GDCD	8				7.0	7.0					8.0						8.0	7.8
11	CĐNG NGH	9				10.0	8.0					7.0						8.0	8.1
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				8.0	7.0					7.0						7.0	7.3
14																			
15																			

Điểm TB CM : 7.2
Hạng loại : Khá
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trách nhiệm

Điểm KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ N XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG DỤNG HỒ CHÍ MINH 1

Họ và tên: Hoàng Ngọc Thu Chung Giới tính: Nữ
Mã hồ sơ sinh: A07 - 04 Lớp học: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	7.0	10.0				7.0	8.8	7.0				7.2	7.6
2	Vx T Lh	5				0.0	5.0	9.0				4.0	7.0					4.5	5.0
3	HOĆ H C	6				8.0	7.0	8.0				6.0	7.0					8.8	7.4
4	SINH Vx T	8				5.0	9.0					7.5						3.3	5.9
5	TIN H C	8				6.0	9.0					8.0						8.0	7.9
6	V. N H C	8				5.0	8.0	7.0				6.0	5.0	6.0				7.5	6.5
7	L CH S	5				5.0	9.0					7.0						4.8	5.9
8	η A Lh	9				5.0	9.0					7.0						6.3	7.0
9	NGOĩ I NG	7				6.0	7.0	8.0				8.0	4.0					9.4	7.3
10	GDCD	5				7.0	8.0					8.0						7.0	7.1
11	CĐNG NGH	6				9.0	8.0					8.0						6.5	7.3
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					7.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Điểm TB CM: 6.9
Hạng loại: Khá
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. hình ảnh

Đã KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C. A GVCN

PHIẾU U N I Q M H C K Q 1

Họ và tên: Trần Bách Duy
Mã học sinh: A07 - 05
Giới tính: Nữ
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	9				8.0	8.0	10.0				8.0	8.4	9.0				7.0	8.2
2	Vx T Lh	9				10.0	5.0	10.0				8.0	8.0					8.3	8.3
3	HOĆ H C	8				8.0	8.0	8.0				7.0	7.0					7.0	7.4
4	SINH Vx T	9				4.0	9.0					6.5						2.8	5.4
5	TIN H C	8				8.0	9.0					8.0						8.0	8.1
6	Vl N H C	9				5.0	9.0	7.0				7.0	5.0	7.0				8.0	7.1
7	L CH S	3				7.0	7.0					10.0						7.5	7.4
8	η A Lh	7				8.0	8.0					5.0						7.5	6.9
9	NGOỷ I NG	8				6.0	7.0	8.0				6.0	4.2					6.6	6.3
10	GDCD	8				8.0	8.0					8.0						7.8	7.9
11	CỔNG NGH	8				10.0	7.0					8.0						8.5	8.3
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				8.0	7.0					7.0						8.0	7.6
14																			
15																			

Điểm TB CM : 7.4
Hạng : Khá
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trách nhiệm

Điểm KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ N XÉT C, A GVCN

PHIẾU ĐĂNG KÝ THI CẤP 1

Họ và tên:

Lớp: **T1C1**

Giới tính: **Nam**

Mã học sinh:

A07 - 06

Lớp học: **12A07**

KẾT QUẢ THI CẤP 1

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN	7				8.0	7.0	8.0				7.0	7.2	6.0				4.6	6.5
2	Vx T Lh	2				2.0	2.0	10.0				5.0	3.0					7.5	5.0
3	HOĆ H C	8				7.0	4.0	6.0				5.0	5.0					3.8	5.1
4	SINH Vx T	3				4.0	10.0					4.5						3.3	4.5
5	TIN H C	8				8.0	9.0					8.0						8.0	8.1
6	V. N H C	7				6.0	8.0	6.0				6.0	5.0	6.0				5.0	5.8
7	L CH S	1				4.0	8.0					9.0						5.8	6.1
8	η A Lh	8				4.0	2.0					8.0						6.8	6.3
9	NGOỖ I NG	7				9.0	6.0	7.0				8.0	4.0					5.4	6.3
10	GDCD	5				7.0	7.0					8.0						6.0	6.6
11	CỔNG NGH	7				8.0	6.0					5.0						6.0	6.1
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	8.0					7.0						8.0	7.6
14																			
15																			

Điểm TBCM:

6.2

Học lực:

Trung Bình

Hình thức:

Danh hiệu:

Chuyên cấp:

Nghệ thuật

Kiểm tra:

Trình độ:

Điểm KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG IQM H C Kđ 1

Họ và tên: L° Trung Hân
Mã học sinh: A07 - 07

Giới tính: Nam
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T x P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		MĨ NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	6.0	10.0				5.0	3.6	8.0				4.6	5.9
2	Vx T Lh	6				3.0	0.0	9.0				5.0	5.0					6.0	5.1
3	HOĆ H C	8				6.0	8.0	7.0				4.0	7.0					4.3	5.8
4	SINH Vx T	6				5.0	9.0					7.0						2.5	5.2
5	TIN H C	8				8.0	9.0					8.0						8.0	8.1
6	Vl N H C	7				7.0	8.0	6.0				5.0	6.0	6.0				5.0	5.9
7	L CH S	1				5.0	8.0					7.0						7.0	6.1
8	q A Lh	9				7.0	10.0					8.0						7.0	7.9
9	NGOĩ I NG	7				7.0	7.0	8.0				8.8	6.0					7.2	7.3
10	GDCD	8				7.0	9.0					8.0						7.3	7.7
11	CĐNG NGH	8				9.0	7.0					7.0						6.5	7.2
12	THq D C	q				q	q					q						q	q
13	GDQP	8				7.0	7.0					7.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Điểm TB CM : 6.6
Hạng : Trung Bình
Danh hiệu :
Chuyên cấp : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trained

h KẾ N C, A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÂN XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: Nguyễn Xuân Hữu
Mã học sinh: A07 - 08

Giới tính: Nam
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T x P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	7.0	9.0				8.0	5.6	7.0				8.0	7.3
2	VẬT LÍ	6				4.0	5.0	10.0				7.0	7.0					7.8	6.9
3	HÓA H C	7				8.0	6.0	8.0				7.0	6.0					7.3	7.0
4	SINH VẬT	10				4.0	10.0					7.5						4.0	6.4
5	TIN H C	9				8.0	9.0					9.0						8.0	8.5
6	VĂN H C	8				6.0	8.0	7.0				7.0	6.0	7.0				5.0	6.5
7	LỊCH S	10				8.0	9.0					10.0						8.0	8.9
8	ÂM LÍ	9				7.0	8.0					8.0						6.8	7.6
9	NGOẠI NG	8				8.0	7.0	8.0				8.4	5.6					6.6	7.2
10	GDCD	10				7.0	8.0					9.0						9.5	8.9
11	CÔNG NGH	9				10.0	8.0					9.0						10.0	9.4
12	THQ D C	9				9	9					9						9	9
13	GDQP	8				7.0	7.0					7.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Điểm TB CM : 7.7
Hạng : Khá
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trách nhiệm

Điểm KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÂN XÉT C, A GVCN

PHIẾU U N I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Huy Giới tính: Nam
Mã học sinh: A07 - 10 Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	6.0	9.0				9.0	5.2	6.0				8.8	7.4
2	Vx T Lh	6				7.0	6.0	9.0				4.0	5.0					5.5	5.7
3	HO C H C	7				4.0	8.0	8.0				6.0	8.0					7.3	7.0
4	SINH Vx T	9				4.0	9.0					6.5						2.3	5.2
5	TIN H C	9				7.0	9.0					9.0						9.0	8.8
6	V I N H C	7				7.0	8.0	6.0				6.0	5.0	6.0				2.0	5.2
7	L CH S	0				7.0	8.0					8.0						7.8	6.8
8	A Lh	6				5.0	9.0					7.0						8.5	7.4
9	NGO ỹ I NG	6				6.0	8.0	8.0				7.8	4.8					8.6	7.2
10	GDCD	7				6.0	7.0					8.0						8.3	7.6
11	CĐNG NGH	8				9.0	7.0					8.0						8.0	8.0
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	8.0					8.0						8.0	7.9
14																			
15																			

η i W h T B C M : 7
H c l c : Khá
Danh h i u :
Chuy n c f n : Ngh c ph / K.ph / Tr h c :

h K I e N C A P H H S
Ng y 5 th ng 1 n m 2017
N H x N X E T C A G V C N

PHIẾU ỨNG I Q M H C K 1

Họ và tên: Nguyễn Hoàng Huy
Mã học sinh: A07 - 11

Giới tính: Nam
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	7.0	9.0				7.0	7.2	6.0				8.6	7.4
2	Vx T Lh	8				5.0	5.0	10.0				7.0	6.0					7.0	6.8
3	HO C H C	8				7.0	6.0	8.0				5.0	7.0					7.8	6.9
4	SINH Vx T	10				3.0	8.0					4.5						2.3	4.6
5	TIN H C	8				8.0	8.0					8.0						8.0	8.0
6	V I N H C	7				4.0	8.0	6.0				5.0	6.0	6.0				5.5	5.8
7	L CH S	0				5.0	7.0					8.0						8.8	6.8
8	A Lh	5				7.0	7.0					6.0						8.0	6.9
9	NGO ỹ I NG	8				6.0	6.0	7.0				8.4	4.8					8.2	7.1
10	GDCD	5				8.0	7.0					8.0						8.8	7.8
11	CĐNG NGH	8				9.0	6.0					6.0						7.5	7.2
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					8.0						8.0	7.8
14																			
15																			

Điểm TB CM : 6.9
Hạng : Trung Bình
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trách nhiệm

h K I E N C A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C A G V C N

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: Nguyễn Thị Như Anh
Mã học sinh: A07 - 12
Giới tính: Nữ
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				8.0	7.0	10.0				7.0	6.0	6.0				6.4	6.9
2	Vx T Lh	5				5.0	5.0	9.0				4.0	7.0					6.0	5.8
3	HOĆ H C	8				4.0	8.0	7.0				3.0	5.0					7.5	6.0
4	SINH Vx T	9				6.0	9.0					5.5						4.0	5.9
5	TIN H C	9				8.0	9.0					8.0						9.0	8.6
6	V. N H C	8				6.0	8.0	7.0				6.0	7.0	7.0				6.5	6.8
7	L CH S	10				5.0	9.0					10.0						8.0	8.5
8	η A Lh	10				6.0	7.0					6.0						7.3	7.1
9	NGOỖ I NG	7				4.0	8.0	8.0				7.8	6.4					9.2	7.5
10	GDCD	10				6.0	6.0					8.0						7.5	7.6
11	CỔNG NGH	9				9.0	8.0					7.0						7.0	7.6
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	9				7.0	8.0					9.0						8.0	8.3
14																			
15																			

Điểm TB CM : 7.2
Hạng : Khá
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trách nhiệm

Điểm KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU U N I Q M H C K d 1

Họ và tên: **Ngô Thị Mai Hoàng**
Mã học sinh: **A07 - 13**

Giới tính: **N**
Lớp: **12A07**

KẾT QUẢ H C T x P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				7.0	7.0	8.0				8.0	6.4	9.0				8.4	7.8
2	Vx T Lh	5				6.0	5.0	10.0				6.0	5.0					7.5	6.4
3	HO C H C	9				9.0	8.0	7.0				6.0	6.0					9.3	7.7
4	SINH Vx T	9				6.0	9.0					5.5						5.3	6.4
5	TIN H C	9				9.0	9.0					8.0						9.0	8.8
6	V I N H C	9				6.0	8.0	8.0				7.0	6.0	7.0				8.0	7.3
7	L CH S	10				9.0	9.0					10.0						9.0	9.4
8	u A Lh	10				7.0	9.0					8.0						8.8	8.6
9	NGO ỹ I NG	8				6.0	7.0	7.0				6.6	5.0					9.4	7.2
10	GDCD	10				7.0	8.0					9.0						9.5	8.9
11	CĐNG NGH	9				9.0	8.0					9.0						8.0	8.5
12	THq D C	u				u	u					u						u	u
13	GDQP	8				7.0	8.0					7.0						8.0	7.6
14																			
15																			

Điểm TB CM : **7.9**
Hạng : **Khá**
Danh hiệu :
Chuyên môn : **Nghệ thuật** / **K. nghệ thuật** / **Trình độ**

h K I e N C, A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C, A G V C N

PHIẾU ỨNG LƯỢNG HỌC KỲ 1

Họ và tên:

Ngô Hoàng Thị Yến Kha

Giới tính:

Nữ

Mã học sinh:

A07 - 14

Lớp:

12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				7.0	7.0	9.0				7.0	4.8	7.0				4.0	6.2
2	Vx T Lh	8				5.0	3.0	9.0				5.0	7.0					3.5	5.4
3	HOĆ H C	8				8.0	8.0	9.0				5.0	4.0					5.0	6.0
4	SINH Vx T	5				8.0	8.0					3.5						3.5	4.8
5	TIN H C	9				7.0	9.0					8.0						8.5	8.3
6	Vt N H C	7				6.0	8.0	7.0				5.0	5.0	6.0				3.0	5.3
7	L CH S	3				6.0	9.0					6.0						5.0	5.6
8	η A Lh	8				8.0	9.0					6.0						6.5	7.1
9	NGOĩ I NG	7				6.0	6.0	7.0				8.2	4.4					7.4	6.7
10	GDCD	7				7.0	7.0					8.0						6.0	6.9
11	CĐNG NGH	8				8.0	7.0					6.0						6.0	6.6
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				8.0	8.0					8.0						8.0	8.0
14																			
15																			

Chỉ số TBCM:

6.4

Hạng:

Trung Bình

Hình thức:

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật:

Kỹ thuật:

Trình độ:

Được KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C. A GVCN

PHIẾU ỨNG IQM H C Kđ 1

Họ và tên: **Ngô Hoàng Thị y Khanh**
Mã học sinh: **A07 - 15**

Giới tính: **N**
Lớp học: **12A07**

KẾT QUẢ H C T x P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		MĨ NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	9				9.0	8.0	9.0				8.0	5.6	8.0				6.2	7.4
2	Vx T Lh	8				8.0	8.0	10.0				5.0	4.0					5.0	6.1
3	HOĆ H C	9				6.0	2.0	7.0				7.0	5.0					5.5	5.9
4	SINH Vx T	7				6.0	10.0					4.5						4.0	5.5
5	TIN H C	9				7.0	9.0					8.0						8.5	8.3
6	Vl N H C	8				5.0	8.0	7.0				5.0	4.0	6.0				2.5	5.0
7	L CH S	5				9.0	10.0					8.0						5.5	7.1
8	η A Lh	8				7.0	7.0					6.0						6.8	6.8
9	NGOỷ I NG	7				7.0	7.0	7.0				6.2	5.0					7.0	6.5
10	GDCD	9				7.0	7.0					8.0						7.3	7.6
11	CỔNG NGH	9				10.0	5.0					5.0						6.0	6.5
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				8.0	8.0					8.0						8.0	8.0
14																			
15																			

Chỉ số TBCM: **6.7**
Hạng: **Khá**
Danh hiệu:
Chuyên cấp: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trình độ**

h K I E N C A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C A G V C N

PHIẾU ỨNG I Q M H C K 1

Họ và tên: **Hoàng Linh**
Mã học sinh: **A07 - 16**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **12A07**

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	9				7.0	7.0	9.0				8.0	8.8	8.0				8.8	8.3
2	Vx T Lh	4				7.0	5.0	10.0				6.0	7.0					7.3	6.7
3	HO C H C	7				10.0	5.0	9.0				8.0	9.0					9.5	8.5
4	SINH Vx T	7				2.0	8.0					6.5						3.0	4.9
5	TIN H C	9				7.0	9.0					8.0						8.0	8.1
6	V I N H C	7				5.0	8.0	7.0				6.0	6.0	7.0				5.5	6.3
7	L CH S	2				7.0	5.0					10.0						3.3	5.5
8	A Lh	8				7.0	8.0					8.0						6.8	7.4
9	NGO Ỡ I NG	7				6.0	9.0	8.0				7.4	3.6					8.6	7.1
10	GDCD	7				7.0	7.0					8.0						7.3	7.4
11	C ỜNG NGH	6				10.0	7.0					6.0						7.5	7.2
12	THq D C	ậ				ậ	ậ					ậ						ậ	ậ
13	GDQP	7				7.0	6.0					8.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Điểm TB CM : **7.1**
Hạng : **Trung Bình**
Danh hiệu :
Chuyên đề : **Nghệ thuật** / **K. nghệ thuật** / **Trình độ**

h K I E N C , A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C , A G V C N

PHIẾU ỨNG DỤNG HỒ CHÍ MINH 1

Họ và tên: **LÊ TH. PH. L.**
Mã hồ sơ sinh: **A07 - 17**

Giới tính: **N**
Lớp học: **12A07**

KẾT QUẢ HỒ CHÍ MINH

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	9				10.0	8.0	10.0				8.0	7.6	8.0				9.2	8.6
2	Vx T Lh	7				7.0	7.0	9.0				7.0	6.0					5.0	6.5
3	HOĆ H C	8				3.0	7.0	5.0				5.0	4.0					4.8	5.0
4	SINH Vx T	8				3.0	9.0					5.5						3.3	5.1
5	TIN H C	8				8.0	8.0					8.0						7.5	7.8
6	V. N H C	7				6.0	8.0	7.0				6.0	4.0	6.0				6.5	6.1
7	L CH S	6				5.0	7.0					3.0						5.0	4.9
8	η A Lh	8				7.0	7.0					9.0						8.5	8.2
9	NGOĩ I NG	8				4.0	6.0	7.0				9.0	4.4					8.0	6.9
10	GDCD	7				6.0	7.0					8.0						7.0	7.1
11	CĐNG NGH	6				9.0	5.0					6.0						6.0	6.3
12	THq D C	Cη				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					7.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Chỉ số TBCM: **6.7**
Hạng: **Trung Bình**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Truyền hình**

ĐIỂM KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG I Q M H C K 1

Họ và tên: Nguyễn Nguyễn Minh
Mã học sinh: A07 - 18

Giới tính: Nam
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				5.0	6.0	10.0				6.0	4.0	7.0				6.2	6.2
2	Vx T Lh	5				2.0	5.0	9.0				3.0	8.0					6.0	5.5
3	HO C H C	8				6.0	7.0	7.0				5.0	5.0					8.3	6.6
4	SINH Vx T	5				5.0	8.0					4.0						5.3	5.2
5	TIN H C	9				8.0	9.0					9.0						8.0	8.5
6	V I N H C	7				6.0	8.0	6.0				6.0	5.0	6.0				6.0	6.1
7	L CH S	5				1.0	7.0					9.0						7.5	6.7
8	A Lh	8				9.0	9.0					8.0						8.3	8.4
9	NGO Ỡ I NG	8				3.0	8.0	8.0				6.6	2.6					7.4	6.1
10	GDCD	6				8.0	8.0					8.0						5.8	6.9
11	C ỜNG NGH	9				8.0	5.0					3.0						8.0	6.5
12	THq D C	ậ				ậ	ậ					ậ						ậ	ậ
13	GDQP	8				7.0	6.0					7.0						9.0	7.8
14																			
15																			

Điểm TB CM : 6.7
Hạng : Trung Bình
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trained

h K I E N C A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C A G V C N

PHIẾU ỨNG LƯỢNG HỌC KỲ 1

Họ và tên:

Trần Văn Nghĩa

Giới tính:

Nam

Mã học sinh:

A07 - 19

Lớp:

12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				7.0	8.0	8.0				8.0	8.0	8.0				7.2	7.7
2	Vx T Lh	8				6.0	2.0	9.0				5.0	5.0					6.8	5.9
3	HOĆ H C	8				7.0	8.0	9.0				7.0	8.0					7.5	7.7
4	SINH Vx T	7				5.0	8.0					7.0						4.3	5.9
5	TIN H C	9				8.0	9.0					9.0						8.0	8.5
6	V. N H C	8				7.0	8.0	6.0				6.0	5.0	5.0				5.0	5.8
7	L CH S	7				9.0	8.0					10.0						7.0	8.1
8	η A Lh	8				8.0	10.0					6.0						7.5	7.6
9	NGOŷ I NG	6				4.0	8.0	7.0				6.4	5.2					5.8	6.0
10	GDCD	9				6.0	7.0					8.0						6.8	7.3
11	CĐNG NGH	6				8.0	8.0					7.0						9.0	7.9
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	7				8.0	7.0					9.0						9.0	8.4
14																			
15																			

Điểm TBCM:

7.2

Học lực:

Khá

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật / Khoa học / Thể thao

Điểm KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C. A GVCN

PHIẾU ỨNG I Q M H C KĐ 1

Họ và tên: Nguyễn Trần Nhàn
Mã học sinh: A07 - 20

Giới tính: Nam
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				7.0	7.0	10.0				8.0	7.2	7.0				6.6	7.4
2	Vx T Lh	8				3.0	4.0	10.0				3.0	3.0					4.8	4.7
3	HOĆ H C	9				8.0	8.0	7.0				3.0	6.0					7.0	6.5
4	SINH Vx T	7				3.0	4.0					8.0						3.5	5.1
5	TIN H C	8				8.0	9.0					8.0						8.0	8.1
6	Vl N H C	9				6.0	8.0	6.0				6.0	5.0	6.0				3.0	5.5
7	L CH S	4				8.0	8.0					2.0						6.8	5.6
8	η A Lh	9				8.0	8.0					9.0						8.0	8.4
9	NGOĩ I NG	9				6.0	8.0	7.0				8.8	5.4					9.0	7.8
10	GDCD	10				8.0	9.0					8.0						8.0	8.4
11	CĐNG NGH	8				10.0	8.0					8.0						8.0	8.3
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	8.0					8.0						8.0	7.9
14																			
15																			

Điểm TB CM: 7
Hạng: Trung Bình
Danh hiệu:
Chuyên ngành: Nghệ thuật / Khoa học / Thể thao

Điểm KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG DỤNG HỒ CHÍ MINH 1

Họ và tên: **Nguyễn Thị Kim Nhung**
Mã học sinh: **A07 - 21**

Giới tính: **N**
Lớp: **12A07**

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	9				9.0	8.0	8.0				8.0	7.2	8.0				6.8	7.8
2	Vx T Lh	5				5.0	3.0	9.0				7.0	7.0					5.5	6.0
3	HOĆ H C	8				6.0	9.0	7.0				7.0	7.0					8.3	7.5
4	SINH Vx T	10				5.0	10.0					8.0						4.8	6.9
5	TIN H C	9				8.0	9.0					9.0						8.0	8.5
6	Vl N H C	9				6.0	8.0	7.0				6.0	6.0	7.0				5.0	6.4
7	L CH S	3				2.0	9.0					9.0						9.0	7.4
8	η A Lh	10				8.0	6.0					8.0						7.0	7.6
9	NGOŷ I NG	8				5.0	8.0	7.0				6.8	6.4					7.0	6.9
10	GDCD	8				7.0	8.0					8.0						8.3	8.0
11	CĐNG NGH	8				10.0	7.0					6.0						8.5	7.8
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					8.0						8.0	7.8
14																			
15																			

Điểm TBCM: **7.4**
Hạng: **Khá**
Danh hiệu:
Chuyên môn: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trình độ**

Điểm KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG DỤNG HỒ CHỮ CÁI 1

Họ và tên:

Ngô Trần Phú Cường Nguyễn

Giới tính:

Nữ

Mã hồ sơ:

A07 - 22

Lớp:

12A07

KẾT QUẢ HỒ CHỮ CÁI

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN	7				8.0	7.0	8.0				7.0	6.0	6.0				6.0	6.6
2	Vx T Lh	8				9.0	7.0	10.0				7.0	6.0					6.0	7.1
3	HOĆ H C	8				7.0	7.0	7.0				4.0	8.0					6.8	6.7
4	SINH Vx T	5				5.0	8.0					9.0						5.0	6.4
5	TIN H C	9				9.0	8.0					9.0						8.0	8.5
6	V. N H C	7				6.0	8.0	7.0				6.0	5.0	6.0				3.0	5.5
7	L CH S	3				3.0	7.0					7.0						7.8	6.3
8	η A Lh	10				9.0	8.0					7.0						7.3	7.9
9	NGOỖ I NG	8				4.0	8.0	8.0				8.8	5.4					6.2	6.8
10	GDCD	5				8.0	8.0					8.0						8.0	7.6
11	CỔNG NGH	8				8.0	8.0					5.0						7.0	6.9
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					7.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Số tiết TBCM:

7

Học lực:

Khá

Hình thức:

Danh hiệu:

Chuyên ngành:

Nghệ thuật / Khoa học / Thể thao

Đã kiểm tra và xác nhận đúng

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT CÔNG VÀ GVCN

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên:

Vũ Hữu Bình Phạm

Giới tính:

Nam

Mã học sinh:

A07 - 23

Lớp:

12A07

Kết quả học tập

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		MI NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	6				7.0	6.0	9.0				6.0	2.4	6.0				7.2	6.0
2	Vx T Lh	4				6.0	4.0	10.0				4.0	6.0					3.5	5.0
3	HOĆ H C	8				8.0	7.0	5.0				6.0	7.0					8.0	7.1
4	SINH Vx T	6				4.0	9.0					0.0						3.5	3.7
5	TIN H C	7				6.0	9.0					8.0						7.0	7.4
6	V. N H C	8				5.0	8.0	6.0				6.0	5.0	6.0				4.0	5.6
7	L CH S	2				5.0	10.0					10.0						8.3	7.7
8	η A Lh	9				5.0	9.0					8.0						7.5	7.7
9	NGOĩ I NG	8				5.0	8.0	8.0				8.4	2.0					4.8	5.8
10	GDCD	10				7.0	7.0					9.0						8.5	8.4
11	CĐNG NGH	6				8.0	6.0					5.0						5.5	5.8
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	8.0					7.0						8.0	7.6
14																			
15																			

Điểm TBCM:

6.5

Học lực:

Trung Bình

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. nghệ thuật

Điểm K. A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÂN XÉT C. A GVCN

PHIẾU ỨNG DỤNG HỒ CHỮ KÝ 1

Họ và tên:

Bà Lê Thị Hồng Phụng

Giới tính:

Nữ

Mã học sinh:

A07 - 24

Lớp học:

12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	6.0	8.0				7.0	8.4	8.0				7.6	7.5
2	Vx T Lh	8				2.0	4.0	9.0				4.0	5.0					5.0	5.1
3	HOĆ H C	7				7.0	6.0	9.0				4.0	7.0					7.8	6.8
4	SINH Vx T	9				8.0	10.0					7.0						3.5	6.4
5	TIN H C	8				7.0	9.0					8.0						8.0	8.0
6	V. N H C	7				7.0	8.0	7.0				6.0	6.0	6.0				8.0	6.8
7	L CH S	7				0.0	9.0					10.0						5.8	6.7
8	η A Lh	10				8.0	8.0					8.0						7.3	8.0
9	NGOŷ I NG	8				5.0	6.0	7.0				6.6	8.4					7.6	7.2
10	GDCD	7				8.0	6.0					8.0						8.5	7.8
11	CĐNG NGH	9				9.0	6.0					6.0						6.0	6.8
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					7.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Điểm TBCTM:

7.1

Học lực:

Khá

Hình thức:

Danh hiệu:

Chuyên ngành:

Nghệ thuật / Khoa học / Thể thao

Đã KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C. A GVCN

PHIẾU ỨNG DỤNG HỒ CHỮ KÝ 1

Họ và tên: **Đông Thị Quang**
Mã hồ sơ sinh: **A07 - 25**

Giới tính: **Nam**
Lớp học: **12A07**

KẾT QUẢ HỒ CHỮ KÝ

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN	8				7.0	6.0	10.0				7.0	5.6	7.0				5.2	6.6
2	Vx T Lh	2				4.0	3.0	10.0				4.0	8.0					5.3	5.4
3	HOĆ H C	7				6.0	7.0	8.0				4.0	4.0					4.5	5.2
4	SINH Vx T	8				6.0	8.0					5.0						2.5	4.9
5	TIN H C	8				8.0	9.0					8.0						7.5	7.9
6	Vl N H C	7				6.0	8.0	8.0				6.0	4.0	6.0				5.0	5.8
7	L CH S	6				6.0	8.0					7.0						5.0	6.1
8	η A Lh	5				8.0	8.0					8.0						6.0	6.9
9	NGOỖ I NG	8				6.0	8.0	8.0				8.8	2.8					7.4	6.9
10	GDCD	7				6.0	7.0					8.0						6.0	6.8
11	CỔNG NGH	8				10.0	8.0					7.0						6.0	7.3
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				8.0	8.0					7.0						8.0	7.8
14																			
15																			

Chỉ số TBCM: **6.5**
Hạng: **Trung Bình**
Danh hiệu:
Chuyên ngành: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Truyền hình**

ĐIỂM KIỂM TRA PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG IQM H C Kđ 1

Họ và tên:

Huỳnh Thị Ngọc Quỳnh

Giới tính:

Nữ

Mã học sinh:

A07 - 26

Lớp:

12A07

KẾT QUẢ H C T x P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		MĨ NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	7.0	8.0				7.0	8.4	7.0				6.0	7.1
2	Vx T Lh	1				6.0	2.0	10.0				4.0	8.0					6.0	5.5
3	HOĆ H C	8				8.0	5.0	8.0				5.0	6.0					7.3	6.6
4	SINH Vx T	8				4.0	8.0					9.0						4.0	6.3
5	TIN H C	9				8.0	9.0					8.0						7.5	8.1
6	Vl N H C	7				4.0	8.0	6.0				5.0	4.0	6.0				4.5	5.3
7	L CH S	0				2.0	9.0					10.0						5.0	5.8
8	η A Lh	9				9.0	7.0					7.0						5.5	6.9
9	NGOĩ I NG	7				6.0	6.0	7.0				7.2	9.6					8.6	7.8
10	GDCD	9				8.0	7.0					8.0						6.8	7.6
11	CĐNG NGH	8				8.0	8.0					6.0						8.0	7.5
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					7.0						8.0	7.5
14																			
15																			

Điểm TBCM:

6.8

Học lực:

Khá

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Trữ lượng:

Điểm KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU U N I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: **Huỳnh Chấn Quý**
Mã học sinh: **A07 - 27**

Giới tính: **Nam**
Lớp: **12A07**

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	7.0	8.0				7.0	5.2	7.0				7.2	6.8
2	Vx T Lh	8				4.0	5.0	10.0				5.0	6.0					5.5	6.0
3	HO C H C	8				6.0	5.0	9.0				5.0	6.0					6.5	6.3
4	SINH Vx T	6				6.0	8.0					5.0						3.3	5.0
5	TIN H C	9				8.0	9.0					9.0						9.0	8.9
6	V I N H C	7				6.0	8.0	6.0				6.0	5.0	7.0				6.0	6.2
7	L CH S	8				7.0	5.0					10.0						9.0	8.4
8	A Lh	8				8.0	8.0					8.0						7.5	7.8
9	NGO ỹ I NG	8				4.0	8.0	7.0				8.2	3.8					9.6	7.3
10	GDCD	10				8.0	8.0					8.0						8.5	8.4
11	CĐNG NGH	8				9.0	7.0					9.0						8.5	8.4
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	7				7.0	7.0					8.0						8.0	7.6
14																			
15																			

Điểm TBCM: **7.3**
Hạng: **Khá**
Danh hiệu:
Chuyên đề: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trình độ**

h K I E N C A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C A G V C N

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: **Phạm Thị Phương Thảo** Giới tính: **N**
Mã học sinh: **A07 - 29** Lớp: **12A07**

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				9.0	7.0	9.0				7.0	8.0	7.0				6.8	7.4
2	Vx T Lh	2				9.0	4.0	10.0				6.0	7.0					4.5	5.9
3	HO C H C	8				4.0	8.0	8.0				3.0	5.0					7.8	6.1
4	SINH Vx T	8				3.0	8.0					5.0						3.0	4.8
5	TIN H C	8				8.0	9.0					8.0						8.5	8.3
6	V N H C	7				5.0	8.0	7.0				6.0	5.0	7.0				5.0	6.0
7	L CH S	6				2.0	8.0					7.0						7.0	6.4
8	A Lh	7				7.0	6.0					9.0						8.0	7.8
9	NGOĨ I NG	7				3.0	8.0	8.0				8.8	4.8					8.6	7.2
10	GDCD	8				8.0	7.0					8.0						7.8	7.8
11	CĐNG NGH	9				9.0	6.0					5.0						8.0	7.3
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					8.0						8.0	7.8
14																			
15																			

Điểm TBCM: **6.9**
Hạng: **Trung Bình**
Danh hiệu:
Chuyên đề: **Nghệ thuật** / **Kỹ thuật** / **Trình độ**

Điểm K I E N C, A P H H S
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C, A G V C N

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: Phan Ngọc Tuy
Mã học sinh: A07 - 30

Giới tính: Nữ
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				8.0	7.0	9.0				8.0	5.6	8.0				6.0	7.2
2	Vx T Lh	5				3.0	3.0	9.0				5.0	7.0					5.3	5.4
3	HOĆ H C	8				7.0	6.0	8.0				7.0	6.0					8.0	7.2
4	SINH Vx T	9				5.0	10.0					9.0						3.8	6.7
5	TIN H C	9				6.0	9.0					9.0						9.0	8.6
6	V. N H C	7				5.0	8.0	7.0				6.0	5.0	7.0				5.0	6.0
7	L CH S	6				2.0	9.0					8.0						7.0	6.8
8	η A Lh	9				7.0	10.0					9.0						8.0	8.5
9	NGOĩ I NG	7				8.0	8.0	7.0				7.2	3.6					8.0	6.9
10	GDCD	8				7.0	7.0					8.0						8.3	7.9
11	CĐNG NGH	9				9.0	9.0					5.0						7.5	7.4
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	6.0					8.0						8.0	7.6
14																			
15																			

Điểm TB CM : 7.2
Hình thức: Khá
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. hình thức

h K I E N C, A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C, A G V C N

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Thủy
Mã học sinh: A07 - 31

Giới tính: Nữ
Lớp học: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN	8				7.0	6.0	10.0				7.0	4.0	7.0				6.8	6.7
2	Vx T Lh	8				1.0	3.0	9.0				6.0	5.0					4.0	5.0
3	HOĆ H C	5				6.0	7.0	8.0				7.0	7.0					5.8	6.5
4	SINH Vx T	6				7.0	9.0					9.0						3.8	6.4
5	TIN H C	8				7.0	8.0					8.0						7.5	7.7
6	V. N H C	8				6.0	9.0	7.0				7.0	5.0	7.0				5.0	6.4
7	L CH S	8				7.0	9.0					8.0						6.3	7.4
8	η A Lh	7				8.0	7.0					7.0						8.0	7.5
9	NGOĩ I NG	7				5.0	8.0	8.0				7.8	6.2					5.0	6.5
10	GDCD	5				8.0	8.0					8.0						7.5	7.4
11	CỔNG NGH	9				8.0	8.0					5.0						8.5	7.6
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	7				7.0	7.0					5.0						7.0	6.5
14																			
15																			

Điểm TBCM: 6.8
Hạng: Khá
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / Kỹ thuật / Thể thao

Điểm KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG I Q M H C K 1

Họ và tên: L. Th. Anh Th. Gi. i tnh: N.
Mã H c sinh: A07 - 32 L. p h c: 12A07

KẾT QUẢ H C T x P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				5.0	6.0	9.0				6.0	3.2	6.0				5.2	5.6
2	Vx T Lh	0				3.0	7.0	10.0				2.0	4.0					5.3	4.4
3	HO C H C	8				8.0	7.0	9.0				3.0	5.0					3.8	5.4
4	SINH Vx T	7				4.0	8.0					2.5						3.0	4.1
5	TIN H C	9				7.0	9.0					9.0						7.0	8.0
6	V. N H C	8				5.0	8.0	7.0				6.0	5.0	7.0				5.5	6.2
7	L CH S	5				0.0	9.0					8.0						7.8	6.7
8	h A Lh	9				7.0	8.0					8.0						8.0	8.0
9	NGO ỹ I NG	8				5.0	9.0	8.0				7.0	4.8					9.4	7.4
10	GDCD	9				7.0	7.0					8.0						9.0	8.3
11	C ỜNG NGH	8				8.0	7.0					5.0						6.5	6.6
12	THq D C	h				h	h					h						h	h
13	GDQP	8				7.0	7.0					6.0						7.0	6.9
14																			
15																			

h iWh TBCM: 6.5
H c l c: Trung Bình
Danh h i u:
Chuy n c f h: Ngh c ph / K.ph / Tr h c:

h KI N C. A PHHS
Ng y 5 th 5 ng 1 n 2017
NH x N X E T C. A GVCN

PHIẾU U N I Q M H C K Q 1

Họ và tên: Trần Công Tiến
Mã học sinh: A07 - 33

Giới tính: Nữ
Lớp học: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				7.0	6.0	9.0				6.0	6.0	7.0				7.4	6.9
2	Vx T Lh	6				3.0	6.0	9.0				6.0	8.0					5.5	6.2
3	HOĆ H C	8				6.0	7.0	9.0				6.0	8.0					8.5	7.6
4	SINH Vx T	5				3.0	9.0					8.5						4.3	5.9
5	TIN H C	8				8.0	9.0					9.0						8.0	8.4
6	Vl N H C	9				6.0	8.0	6.0				6.0	5.0	7.0				6.0	6.4
7	L CH S	5				5.0	10.0					8.0						7.3	7.2
8	η A Lh	9				6.0	7.0					8.0						8.3	7.9
9	NGOŷ I NG	8				7.0	7.0	7.0				8.2	6.2					9.2	7.8
10	GDCD	10				6.0	7.0					8.0						8.8	8.2
11	CĐNG NGH	8				10.0	7.0					8.0						9.0	8.5
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					6.0						8.0	7.3
14																			
15																			

Điểm TBCM: 7.4
Hạng loại: Khá
Danh hiệu:
Chuyên cấp: Nghề nghiệp / K. nghiệp / Tr. học:

học KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ N XÉT C. A GVCN

PHIẾU ỨNG DỤNG HỒ CHÍ MINH 1

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang
Mã học sinh: A07 - 34

Giới tính: Nữ
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		MI NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN	6				4.0	5.0	8.0				5.0	5.6	6.0				7.2	6.0
2	Vx T Lh	3				0.0	5.0	9.0				2.0	4.0					4.8	3.9
3	HOĆ H C	7				3.0	8.0	8.0				2.0	6.0					7.5	5.9
4	SINH Vx T	2				4.0	10.0					3.0						3.0	3.9
5	TIN H C	7				6.0	9.0					8.0						8.0	7.8
6	V. N H C	7				5.0	6.0	7.0				5.0	5.0	6.0				3.0	5.1
7	L CH S	1				5.0	8.0					4.0						8.3	5.9
8	η A Lh	6				7.0	8.0					7.0						6.3	6.7
9	NGOỖ I NG	7				2.0	6.0	7.0				5.0	6.2					5.8	5.6
10	GDCD	8				6.0	7.0					8.0						6.8	7.2
11	CỔNG NGH	8				10.0	5.0					5.0						5.0	6.0
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	7				8.0	6.0					6.0						8.0	7.1
14																			
15																			

Điểm TBCM: 5.9
Hạng: Trung Bình
Đánh giá: Hình thức:
Chuyên ngành: Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trách nhiệm:

Điểm KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG I Q M H C K 1

Họ và tên: L° Huân Trâm Giới tính: Nam
Mã học sinh: A07 - 35 Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	4				7.0	5.0	10.0				7.0	6.8	7.0				8.0	7.0
2	Vx T Lh	5				2.0	5.0	10.0				3.0	7.0					7.5	5.9
3	HO C H C	8				8.0	7.0	6.0				6.0	0.0					3.8	4.8
4	SINH Vx T	4				1.0	8.0					8.0						4.5	5.3
5	TIN H C	8				8.0	9.0					8.0						7.5	7.9
6	V I N H C	7				6.0	8.0	7.0				6.0	6.0	6.0				4.0	5.8
7	L CH S	0				5.0	10.0					7.0						6.3	6.0
8	A Lh	8				6.0	7.0					8.0						7.5	7.4
9	NGO Y I NG	8				4.0	7.0	8.0				7.4	5.8					2.8	5.6
10	GDCD	3				7.0	8.0					8.0						6.8	6.8
11	C Đ N G N G H	8				9.0	7.0					8.0						6.0	7.3
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					6.0						7.0	6.9
14																			
15																			

Điểm TB CM: 6.4
Hạng: Trung Bình
Danh hiệu:
Chuyên cấp: Ngh c ph / K.ph / Tr h c

h K I N C A P H S
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C A G V C N

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên:

Nguyễn Minh Trí

Giới tính:

N

Mã học sinh:

A07 - 36

Lớp học:

12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾ T							
1	TOÁN	8				8.0	7.0	10.0				9.0	8.0	8.0				7.6	8.1
2	VẬT LÍ	1				6.0	3.0	9.0				5.0	7.0					6.3	5.6
3	HÓA HỌC	7				8.0	7.0	8.0				4.0	7.0					7.3	6.7
4	SINH VẬT	9				4.0	10.0					8.5						3.5	6.3
5	TIN HỌC	9				8.0	9.0					8.0						9.0	8.6
6	VĂN HỌC	7				7.0	8.0	7.0				7.0	5.0	7.0				7.0	6.8
7	LỊCH SỬ	5				3.0	10.0					8.0						5.5	6.3
8	ÂN LÍ	9				8.0	9.0					8.0						7.5	8.1
9	NGOẠI NGỮ	8				9.0	8.0	9.0				7.0	7.2					9.4	8.2
10	GDCD	10				6.0	7.0					8.0						9.0	8.3
11	CÔNG NGHỆ	8				9.0	8.0					6.0						7.5	7.4
12	THỂ DỤC	7				7	7					7						7	7
13	GDQP	8				8.0	7.0					8.0						8.0	7.9
14																			
15																			

Điểm TBCM:

7.4

Học lực:

Khá

Danh hiệu:

Chuyên môn:

Nghệ thuật / Khoa học / Thể thao

Điểm KIỂM TRA A PHHS

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: Nguyễn Văn Tuấn
Mã học sinh: A07 - 37

Giới tính: Nam
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	10				10.0	9.0	10.0				9.0	9.6	10.0				9.0	9.5
2	Vx T Lh	9				10.0	7.0	9.0				8.0	8.0					9.3	8.6
3	HOĆ H C	9				9.0	7.0	9.0				9.0	9.0					9.5	9.0
4	SINH Vx T	10				8.0	10.0					7.0						6.0	7.5
5	TIN H C	9				8.0	9.0					9.0						9.0	8.9
6	V. N H C	9				8.0	8.0	7.0				8.0	7.0	7.0				7.0	7.5
7	L CH S	7				8.0	8.0					9.0						8.8	8.4
8	η A Lh	9				8.0	9.0					8.0						8.0	8.3
9	NGOĩ I NG	9				9.0	10.0	9.0				9.2	7.8					9.6	9.1
10	GDCD	8				7.0	8.0					9.0						9.0	8.5
11	CĐNG NGH	8				10.0	8.0					8.0						9.0	8.6
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				8.0	8.0					9.0						9.0	8.6
14																			
15																			

Điểm TB CM : 8.5
Hạng : Giỏi
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghệ thuật / K. nghệ thuật / Tr. hình ảnh

ĐIỂM KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ N XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tuy Qu
Mã học sinh: A07 - 38

Giới tính: Nữ
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ HỌC TẬP

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				8.0	7.0	8.0				8.0	7.6	8.0				7.2	7.7
2	Vx T Lh	9				10.0	7.0	9.0				7.0	8.0					8.0	8.1
3	HOĆ H C	8				7.0	7.0	8.0				7.0	7.0					8.8	7.7
4	SINH Vx T	8				4.0	8.0					8.0						3.5	5.8
5	TIN H C	7				8.0	9.0					8.0						9.0	8.4
6	Vl N H C	7				6.0	8.0	6.0				6.0	5.0	6.0				5.0	5.8
7	L CH S	2				6.0	8.0					8.0						5.8	6.2
8	η A Lh	9				7.0	8.0					7.0						7.3	7.5
9	NGOỷ I NG	7				5.0	7.0	6.0				5.8	6.0					2.8	5.2
10	GDCD	9				7.0	7.0					8.0						7.3	7.6
11	CỔNG NGH	9				10.0	7.0					8.0						8.0	8.3
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	8.0					8.0						8.0	7.9
14																			
15																			

Điểm TBCM: 7.2
Hạng: Khá
Danh hiệu:
Chuyên môn: Nghệ thuật / Kỹ thuật / Thể thao

Học sinh: A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C, A GVCN

PHIẾU ỨNG IQM H C Kđ 1

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Vân
Mã học sinh: A07 - 39

Giới tính: Nữ
Lớp học: 12A07

KẾT QUẢ H C T x P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	6				7.0	4.0	9.0				6.0	9.6	6.0				6.0	6.7
2	Vx T Lh	9				1.0	2.0	10.0				5.0	5.0					4.8	5.1
3	HOĆ H C	6				5.0	8.0	8.0				6.0	6.0					8.8	7.0
4	SINH Vx T	5				2.0	8.0					5.0						3.3	4.4
5	TIN H C	7				8.0	8.0					8.0						8.0	7.9
6	Vl N H C	7				6.0	8.0	6.0				6.0	5.0	6.0				5.5	6.0
7	L CH S	3				2.0	9.0					7.0						5.8	5.7
8	η A Lh	7				8.0	5.0					8.0						6.5	6.9
9	NGOĩ I NG	7				9.0	8.0	6.0				6.6	5.8					6.2	6.7
10	GDCD	9				6.0	7.0					8.0						6.5	7.2
11	CĐNG NGH	8				9.0	6.0					5.0						7.0	6.8
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					8.0						8.0	7.8
14																			
15																			

Điểm TB CM : 6.5
Hạng : Trung Bình
Danh hiệu :
Chuyên môn : Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trình độ

Điểm KIỂM TRA A PHHS
Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NHÀ XÉT C A GVCN

PHIẾU U N I Q M H C Kđ 1

Họ và tên: L. H. u V. G. ng
Mã học sinh: A07 - 40

Giới tính: Nam
Lớp: 12A07

KẾT QUẢ H C T X P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	8				8.0	7.0	10.0				10.0	9.2	7.0				7.0	8.2
2	Vx T Lh	6				10.0	10.0	9.0				9.0	7.0					6.3	7.8
3	HO C H C	9				8.0	8.0	8.0				7.0	6.0					8.0	7.5
4	SINH Vx T	10				6.0	8.0					8.0						5.0	6.9
5	TIN H C	8				7.0	9.0					8.0						9.0	8.4
6	V I N H C	9				7.0	8.0	8.0				7.0	5.0	7.0				4.0	6.3
7	L CH S	6				10.0	9.0					10.0						6.0	7.9
8	A Lh	9				7.0	9.0					8.0						7.8	8.1
9	NGO Y I NG	9				5.0	8.0	8.0				8.4	5.0					9.0	7.6
10	GDCD	10				8.0	8.0					9.0						8.0	8.5
11	C ĐNG NGH	8				10.0	8.0					8.0						7.0	7.9
12	THq D C	η				η	η					η						η	η
13	GDQP	8				7.0	7.0					9.0						8.0	8.0
14																			
15																			

Điểm TBCM: 7.8

Học lực: Khá

Hình thức:

Danh hiệu:

Chuyên môn: Nghề nghiệp / Kỹ thuật / Trách nhiệm

h K I E N C A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH X N X E T C A G V C N

PHIẾU U N I Q M H C K d 1

Họ và tên: T¹ H¹ Y¹ J¹
Mã học sinh: A07 - 41

Giới tính: N
Lớp học: 12A07

KẾT QUẢ H C T x P

TT	MĐN H C	H S 1										H S 2						KT HK	TB Môn
		M I NG				15 PHÚT						1 TIẾT							
1	TOÁN	7				7.0	5.0	9.0				8.0	8.0	7.0				7.0	7.3
2	Vx T Lh	8				3.0	5.0	10.0				6.0	5.0					5.3	5.8
3	HO C H C	8				8.0	6.0	7.0				5.0	8.0					8.5	7.3
4	SINH Vx T	8				5.0	8.0					8.5						4.3	6.4
5	TIN H C	8				8.0	8.0					8.0						7.0	7.6
6	V I N H C	8				6.0	8.0	6.0				6.0	5.0	7.0				5.0	6.1
7	L CH S	4				8.0	10.0					5.0						5.8	6.2
8	n A Lh	8				6.0	8.0					8.0						5.0	6.6
9	NGO ỹ I NG	7				4.0	8.0	7.0				7.4	6.6					8.6	7.3
10	GDCD	10				7.0	7.0					8.0						5.8	7.2
11	C D N G N G H	8				9.0	7.0					6.0						7.5	7.3
12	THq D C	n				n	n					n						n	n
13	GDQP	7				7.0	7.0					7.0						7.0	7.0
14																			
15																			

Điểm TBCM: 6.8
Hạng: Khá
Danh hiệu:
Chuyên cấp: Ngh c ph / K.ph / Tr h c

h K I e N C A P H H S

Ngày 5 tháng 1 năm 2017
NH x N X E T C A G V C N